

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 33

Phần B.I - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Ngày thi: 02/7/2025

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Anh Ba	7,00	Bảy	41	Nông Quốc Huy	7,00	Bảy
2	Lê Nam Bắc	7,00	Bảy	42	Đàm Thu Lệ	8,00	Tám
3	Nông Đình Bảng	8,00	Tám	43	Nông Minh Liễu	8,00	Tám
4	Đàm Văn Bình	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Hoàng Diệu Linh	8,00	Tám
5	Hoàng Hồng Chuyên	6,50	Sáu phẩy năm	45	Lăng Văn Long	6,50	Sáu phẩy năm
6	Bế Ngọc Công	6,50	Sáu phẩy năm	46	Nông Văn Long	6,50	Sáu phẩy năm
7	Đình Văn Cường	7,50	Bảy phẩy năm	47	Nông Đức Long	6,50	Sáu phẩy năm
8	Lương Thị Đào	7,00	Bảy	48	Nông Thị Mây	8,00	Tám
9	Bế Thanh Đạt	6,50	Sáu phẩy năm	49	Tô Linh Nam	7,00	Bảy
10	Đặng Xuân Định	6,50	Sáu phẩy năm	50	Đình Thị Thanh Nga	7,50	Bảy phẩy năm
11	Mã Văn Duệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	51	Hà Văn Nghị	7,50	Bảy phẩy năm
12	Nông Thị Mỹ Dung	7,50	Bảy phẩy năm	52	Trương Đại Nghĩa	8,00	Tám
13	Bạch Thái Dũng	6,50	Sáu phẩy năm	53	Hoàng Văn Nguyễn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
14	Nguyễn Tiến Dũng	6,50	Sáu phẩy năm	54	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	8,25	Tám phẩy hai năm
15	Hà Ngọc Dương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	55	Nông Thị Minh Nguyệt	8,00	Tám
16	Phạm Thị Giang	7,50	Bảy phẩy năm	56	Bế Văn Nhân	8,00	Tám
17	Trần Nguyên Giáp	7,50	Bảy phẩy năm	57	Nông Thị Hồng Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
18	Ma Thị Hải	8,00	Tám	58	Dương Thanh Phong	6,50	Sáu phẩy năm
19	Nông Ngọc Hải	8,00	Tám	59	Hà Minh Quyết	7,00	Bảy
20	Đàm Thị Hành	8,00	Tám	60	Lâm Thị Quỳnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
21	Hoàng Quang Hậu	6,50	Sáu phẩy năm	61	Bàn Tồn Sao	7,50	Bảy phẩy năm
22	Vũ Thị Thu Hiền	7,00	Bảy	62	Đình Thị Hồng Sợi	7,00	Bảy

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Quốc Thị Thanh Hoa	8,00	Tám	63	Nông Đức Tài	7,25	Bảy phẩy hai năm
24	Nông Thị Hòa	8,00	Tám	64	Nông Hồng Thắm	7,50	Bảy phẩy năm
25	Lục Xuân Hòa	8,00	Tám	65	Phan Văn Thành	6,50	Sáu phẩy năm
26	Thắm Đức Hoàng	7,50	Bảy phẩy năm	66	Phan Thiêm	7,25	Bảy phẩy hai năm
27	Nông Duy Hoàng	8,00	Tám	67	Lê Thị Xuân Thương	7,50	Bảy phẩy năm
28	Hoàng Doãn Hoạt	7,25	Bảy phẩy hai năm	68	Đàm Thị Thanh Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
29	Hoàng Văn Hội	7,25	Bảy phẩy hai năm	69	Lê Minh Thụy	7,00	Bảy
30	Lê Thị Hồng	8,00	Tám	70	Luong Thị Thu Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
31	Hoàng Văn Huân	8,00	Tám	71	Phan Minh Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Đình Văn Hùng	7,00	Bảy	72	Nông Thu Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
33	Trần Văn Hùng	8,00	Tám	73	Đình Kiều Trinh	7,25	Bảy phẩy hai năm
34	Bé Văn Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	74	Lê Kim Trường	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Hoàng Việt Hưng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Hồ Anh Tuấn	7,50	Bảy phẩy năm
36	Hoàng Quốc Hưng	8,00	Tám	76	Hứa Thanh Tùng	8,00	Tám
37	Phan Tuấn Hưng	8,00	Tám	77	Nông Thanh Tuyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm
38	Nông Hồng Hương	7,00	Bảy	78	Đoàn Thị Tuyên	6,50	Sáu phẩy năm
39	Trương Ngọc Hữu	7,00	Bảy	79	Đoàn Thanh Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
40	Lý Văn Huy	7,50	Bảy phẩy năm	80	Trịnh Thị Thanh Tuyên	7,00	Bảy

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hằng



Đoàn Thị Vân Thủy




Trịnh Thị Ánh Hoa